

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai- Ba Đình- Hà Nội

B03a/TCTD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

QUÝ 2/2012- Ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Thuyết minh	Quý 2/2012		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	đồng	Năm nay	đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	IV.19	3.868,606,163,765	3,426,370,909,807	7,955,295,537,105	6,542,130,920,576
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	IV.20	(2,278,598,912,213)	(2,116,424,131,974)	(4,767,917,909,799)	(4,060,110,327,177)
Thu nhập lãi thuần		1,590,007,251,552	1,309,946,777,833	3,187,377,627,306	2,482,020,593,399
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		169,633,237,615	136,853,316,308	334,319,051,814	295,278,910,108
Chi phí hoạt động dịch vụ		(11,919,697,517)	(16,898,977,129)	(22,355,176,885)	(32,887,106,132)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	IV.21	157,713,540,098	119,954,339,179	311,963,874,929	262,391,743,976
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động ngoại hối	IV.22	12,254,146,207	(15,140,547,095)	19,754,344,143	(164,453,100,645)
Lãi từ chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn đầu tư dài hạn		3,987,572,454	6,841,586,779	5,703,793,907	7,995,023,720
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn		(38,862,168,848)	(187,000,000,000)	(159,579,728,562)	(302,000,000,000)
Lãi thuần từ chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn	IV.23	(34,974,596,394)	(180,158,413,221)	(153,875,934,655)	(294,004,376,280)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	IV.25	26,097,324,700	8,691,821,800	41,190,810,608	21,147,010,148
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	IV.24	92,651,605,589	(19,478,140,862)	95,128,708,100	207,169,103,251
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1,843,749,271,751	1,223,815,837,634	3,501,539,430,431	2,514,270,373,849
Chi phí cho người lao động		(359,502,830,936)	(140,905,643,892)	(557,672,444,628)	(270,441,705,694)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(47,626,397,511)	(38,128,953,806)	(100,180,270,808)	(71,773,767,054)
Chi phí hoạt động khác		(162,818,931,104)	(181,196,492,378)	(378,044,418,343)	(407,670,078,705)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	IV.26	(569,948,159,551)	(360,231,089,986)	(1,035,897,133,779)	(749,885,551,453)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		1,274,801,112,200	863,584,747,648	2,465,642,296,652	1,764,384,822,396
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(253,105,508,015)	(97,367,971,563)	(510,862,951,583)	(237,078,254,305)
(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng		27,233,382,397	(54,896,487,162)	(21,100,798,098)	(103,402,187,103)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		(95,381,629,840)	30,655,872,985	(95,381,629,840)	30,855,672,985
Chi phí thuế TNDN hiện hành		953,547,356,742	742,175,961,908	1,838,296,907,131	1,454,760,053,973
Chi phí thuế TNDN trong năm	IV.28	(230,593,717,564)	(184,370,788,762)	(447,213,823,292)	(359,207,028,977)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		(230,593,717,564)	(184,370,788,762)	(447,213,823,292)	(359,207,028,977)
		722,953,639,178	557,805,173,146	1,394,083,083,839	1,095,553,024,996

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt

Bà Ngô Bích Ngọc
Phó phòng kế toán

Bà Lê Thị Lợi
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 07 năm 2012

